

Số: 497/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Công văn số 524/BHXH-KT&TN ngày 05/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế năm 2019 đã giao tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2019 như biểu kèm theo;

Điều 2. Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. / *km*

Nơi nhận: *nhw*

- Như Điều 3;
- BHXH Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + CVP, PCVP (Đ/c Dũng);
- Lưu: VT, KGVX (H^TN-60b)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kđoh

GIAO CHỈ TIÊU BAO PHỦ BHYT NĂM 2019 CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên đơn vị	Ước tính Dân số Trung bình	Số người tham gia	Tỷ lệ bao phủ (%)	Ghi chú
1	Thành phố BMT	370.220	310.500	83.87	
2	Huyện Krông Ana	88.902	75.500	84.92	
3	Huyện Ea Kar	154.551	130.000	84.11	
4	Huyện Ma Đrăk	74.271	74.271	100.00	
5	Huyện Krông Bông	98.519	95.500	96.94	
6	Huyện Cư M'gar	178.199	155.000	86.98	
7	Huyện Lắk	68.936	68.936	100.00	
8	Huyện Krông Păk	210.583	172.000	81.68	
9	Huyện Ea H'leo	132.320	120.000	90.69	
10	Huyện Krông Năng	128.031	113.000	88.26	
11	Huyện Krông Búk	65.915	60.000	91.03	
12	Huyện Ea Súp	69.517	69.000	99.26	
13	Huyện Buôn Đôn	65.891	63.000	95.61	
14	Huyện Cư Kuin	107.441	91.000	84.70	
15	TX Buôn Hồ	105.851	77.700	73.41	
Tổng cộng		1.919.147	1.675.407	87.30	

- Chỉ tiêu bao phủ BHYT cho các huyện sẽ được điều chỉnh khi có số liệu chính thức về dân số của Cục Thống kê tin